

ODA NHẬT BẢN VỚI HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Đại học Quốc gia Hà Nội

Theo Chiến lược và kế hoạch phát triển của Chính phủ Việt Nam thì tăng trưởng kinh tế được đặt là mục tiêu quan trọng nhất. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từ năm 2001 đến 2010 của Chính phủ Việt Nam hoạch định ra tầm nhìn là phát triển Việt Nam thành nước công nghiệp năm 2020, với tốc độ tăng trưởng trung bình là 7,5%, phải tăng được thu nhập quốc dân lên gấp đôi sau 10 năm. Tại cuộc họp với các nhà tài trợ nước ngoài năm 2002, Phó Thủ tướng Vũ Khoan đã phát biểu: Tăng cường chất lượng, tính hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế cần phải kết hợp với đảm bảo sự tăng trưởng nhanh và bền vững.

Tuy nhiên, để theo đuổi mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế của mình thì Việt Nam phải đối mặt với rất nhiều thách thức. Ngày nay, khi quá trình toàn cầu hoá và khu vực hoá diễn ra với tốc độ ngày càng mạnh mẽ, xu hướng cạnh tranh trong khu vực cũng như trên thế giới ngày càng khốc liệt, *Việt Nam phải xem xét sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của mình trong lộ trình hội nhập liên tục cũng như trên "chiến trường cạnh tranh" nóng bỏng*. Nền kinh tế Việt Nam vừa phải theo kịp vừa phải song hành được cùng với nền kinh tế chung thế giới, nếu không tăng trưởng của Việt Nam không những chững lại mà còn tụt lại. Hơn nữa, những cải cách về thể chế và chính sách của Việt Nam cần phải nhằm tạo ra được *môi trường thuận lợi cho các khu vực kinh tế phát triển*, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân và nước ngoài. Bởi vì, trong lĩnh vực giao dịch thương mại và đầu tư, khu vực kinh tế tư nhân và nước ngoài dễ thay đổi và thích ứng nhất. Để đạt được sự tăng trưởng kinh tế nhanh và vững bền, Việt Nam phải xây dựng được cơ sở hạ tầng kinh tế thật tốt cũng như *một nguồn nhân lực đủ đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của nền kinh tế*.

Sau giai đoạn đóng kết các khoản viện trợ đã cam kết giúp đỡ Việt Nam trong 12

năm từ 1979 tới 1991, Nhật Bản bắt đầu nối lại các hoạt động hợp tác kỹ thuật của chương trình viện trợ phát triển chính thức (Official Development Assistance - ODA) song phương cho Việt Nam kể từ năm 1992. Năm 1995, ODA của Nhật Bản đứng đầu trong danh sách các nhà tài trợ cho Việt Nam. Năm 2000, ODA của Nhật dành cho Việt Nam là 915,5 triệu đô la Mỹ. Tỷ lệ thực hiện ODA năm 2000 là 17,1%. Năm 2001, Việt Nam nhận được 726.303 triệu Yên Nhật cho 37 dự án phát triển và 4 dự án cho vay hàng hoá, với 69 hiệp định vay vốn. Đáng lưu ý là trong năm tài khoá 2001, ODA cho vay của Nhật Bản trên toàn thế giới giảm 23% thì Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản đã cam kết tăng ODA Nhật Bản cho Việt Nam 5%. Tỷ lệ thực hiện ODA năm 2001 là 9,8%. Nếu so với tỷ lệ thực hiện rải ngân các nguồn vốn ODA của thế giới trong năm 2001 là 13,9% thì Việt Nam rõ ràng là đã tụt lại sau thế giới.

ODA được hiểu là viện trợ phát triển chính thức dành cho nước nghèo với ba hình thức sau:

- *Viện trợ không hoàn lại (Grant Aid)*: Viện trợ không hoàn lại là viện trợ dành cho các nước phát triển mà không yêu cầu các nước đó phải trả lại. Viện trợ không hoàn lại nhằm vào các dự án phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở hạ tầng. Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản (Japan International Cooperation Agency - JICA) là cơ quan chủ yếu thực hiện các dự án viện trợ không hoàn lại.

- *Viện trợ hợp tác kỹ thuật (Technical Cooperation)*: Viện trợ hợp tác kỹ thuật giúp tăng cường nguồn nhân lực và xây dựng thể chế nhờ vào chuyển giao kỹ thuật và kiến thức sao cho phù hợp và thích ứng với nước được trợ giúp. JICA cũng là cơ quan thực hiện đa số các dự án có liên quan đến hợp tác kỹ thuật.

- *Cho vay song phương (Bilateral Grant Aid)*: Hình thức cho vay song phương nghĩa là viện trợ ưu đãi để nâng cấp cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội như giao thông, điện lực, phát triển nông thôn. Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (Japan Bank for International Development - JBIC) chịu trách nhiệm thực hiện các dự án cho vay song phương.

Viện trợ ODA Nhật Bản với ba hình thức kể trên đã tham gia vào rất nhiều lĩnh vực nhằm phục vụ cho sự phát triển và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Đó là các dự án Nghiên cứu phát triển, Hợp tác kỹ thuật, Viện trợ không hoàn lại, những chương trình hợp tác phát triển, củng cố cộng đồng,... Xét về tổng thể, những dự án ODA Nhật Bản được ưu tiên cho 5 lĩnh vực phát triển, chủ yếu là:

1. Phát triển nguồn nhân lực và xây dựng thể chế.
2. Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế.
3. Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
4. Y tế và giáo dục.
5. Môi trường.

Đây là 5 lĩnh vực ưu tiên đã được đồng thuận sau chuyến thăm Việt Nam tháng 10/1994 của phái đoàn Hợp tác kỹ thuật và kinh tế của Bộ Ngoại giao Nhật Bản. Và năm sau đó (1995), ODA Nhật Bản đã đứng đầu trong số các nhà tài trợ ở Việt Nam.

Như vậy, một trong những thách thức chủ yếu cho nền kinh tế Việt Nam và ưu tiên hàng đầu của viện trợ Nhật Bản là phát triển nguồn nhân lực cho Việt Nam.

Câu hỏi đặt ra là: ODA Nhật Bản đã có vai trò như thế nào trong việc phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam, cụ thể là trong mấy năm trở lại đây? Trong khi đó, tình hình thực tế là Việt Nam đang thiếu lao động có tay nghề giỏi và thiếu cả lao động có kiến thức cao.

Thực tế công việc thực thi các dự án ODA Nhật Bản ở Việt Nam cho thấy ưu tiên số một là phát triển nguồn nhân lực và ưu tiên số bốn là giáo dục có mối liên quan, ràng buộc chặt chẽ, đôi khi khó phân định được rạch ròi.

Trong số các dự án ODA Nhật Bản thì các dự án có liên quan đến phát triển nguồn nhân lực ở Hà Nội và phía Bắc Việt Nam là 5; trên phạm vi quốc gia là 2; tại thành phố Hồ Chí Minh và khu vực phía Nam là 3.

Phía Bắc:

1. Trung tâm Hợp tác phát triển nguồn nhân lực Việt Nam - Nhật Bản (2000-2005, Hà Nội) - dự án hợp tác kỹ thuật.
2. Dự án tăng cường tay nghề cho công nhân kỹ thuật tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội (2000-2005) - dự án hợp tác kỹ thuật.
3. Dự án tăng cường tay nghề cho công nhân xây dựng công trình cầu đường tại Trường Giao thông Vận tải số 1 (2001-2006) - dự án hợp tác kỹ thuật.
4. Dự án tăng cường năng lực giáo dục và nghiên cứu của Trường Đại học Nông nghiệp (1998-2003) - dự án hợp tác kỹ thuật.
5. Dự án xoá mù chữ và thúc đẩy học vấn cho người lớn nhằm phát triển bền vững

ở các vùng núi phía Bắc.

Cả nước:

1. Chương trình hỗ trợ cho giáo dục tiểu học (2001-2004) - dự án nghiên cứu phát triển. Nhằm giúp Việt Nam thực hiện được chiến lược "trăm năm trồng người", Nhật Bản đã hỗ trợ Việt Nam cải thiện cơ sở vật chất cho các trường tiểu học, đào tạo và tái đào tạo giáo viên, huấn luyện cán bộ quản lý giáo dục, bù lấp chỗ thiếu hụt trong các chương trình đào tạo. Chương trình này đã hỗ trợ tài chính để xây mới và sửa chữa 200 trường tiểu học.

2. Học bổng cho phát triển nguồn nhân lực (2000-2001) - viện trợ không hoàn lại. Hàng năm có khoảng 20 đến 30 cán bộ trẻ được chọn lựa để học tập và nghiên cứu tại Nhật Bản thuộc các lĩnh vực luật học, kinh tế học, quản lý doanh nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn, và công nghệ thông tin. Tháng tư năm 2002, đã có 443 sinh viên học tập tại các trường đại học và các học viện ở Nhật Bản theo chương trình học bổng - viện trợ không hoàn lại của chính phủ Nhật Bản.

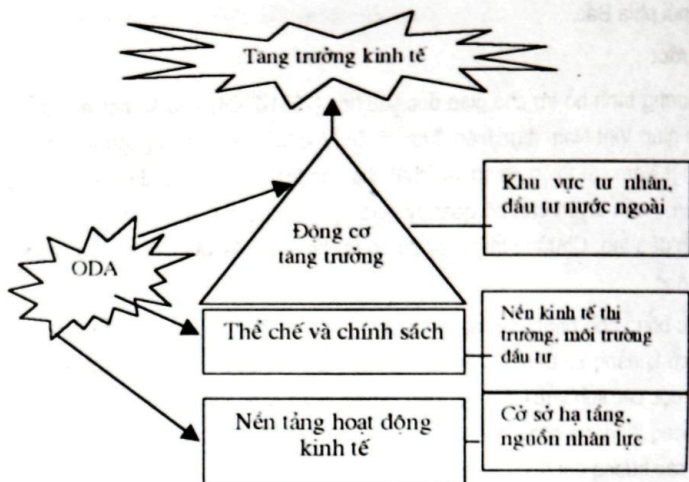
Phía Nam:

1. Trung tâm Hợp tác phát triển nguồn nhân lực Việt Nam - Nhật Bản (thành phố Hồ Chí Minh) - dự án hợp tác kỹ thuật.

2. Dự án xây dựng Trung tâm Hợp tác phát triển nguồn nhân lực Việt Nam - Nhật Bản (2000-2002, thành phố Hồ Chí Minh) - viện trợ không hoàn lại.

3. Dự án hỗ trợ Khoa Nông nghiệp thuộc Trường đại học Cần Thơ - viện trợ không hoàn lại.

Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho Việt Nam như vậy không thể hiểu một cách giản đơn chỉ là rót vốn (không hoàn lại, vốn vay song phương hay hợp tác kỹ thuật) mà cần phải hiểu là vốn + hoạt động của vốn. Thực vậy, nếu như ODA bao quát ba lĩnh vực: động cơ tăng trưởng (khu vực tư nhân, đầu tư nước ngoài), thể chế và chính sách (chuyển sang nền kinh tế thị trường, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh, chính sách một cửa...), và nền tảng của hoạt động kinh tế (cơ sở hạ tầng kinh tế, phát triển nguồn nhân lực), thì rõ ràng chiến lược lâu dài cũng như nhiệm vụ phải giải quyết ngay trước mắt là phát triển nguồn nhân lực. Sự tăng trưởng nền kinh tế phụ thuộc vào ba lĩnh vực đó.



Các dự án phát triển nguồn nhân lực của ODA Nhật Bản không chỉ hỗ trợ về mặt tài chính mà còn giúp phát huy hết hiệu quả của nguồn tài chính ấy. Đó là sự hợp tác hai chiều thuộc chương trình ODA: các sinh viên, cán bộ Việt Nam tới Nhật Bản để học tập, nghiên cứu; phía Nhật cử chuyên gia sang Việt Nam để giảng dạy, hướng dẫn các khoá đào tạo ngắn hạn, giám sát việc thực hiện các dự án phát triển nguồn nhân lực và đào tạo. Một chương trình đào tạo có thể được tổ chức tại Nhật Bản, hoặc tại các nước thứ ba, hoặc trong nước có học viên. Sau đào tạo, những học viên đã tham gia vào các chương trình đào tạo từ ODA của Nhật Bản lại tiếp tục được hỗ trợ, tạo điều kiện để tiếp tục nâng cao kiến thức, ứng dụng kiến thức đã tích lũy được tại cộng đồng và nước mình.

Ba chương trình nổi bật có liên quan đến phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam là "Chương trình tình nguyện viên hợp tác hải ngoại", "Chương trình tình nguyện viên cao cấp", và "Chương trình mời thanh niên".

Tình nguyện viên hợp tác hải ngoại là những thanh niên Nhật Bản đến Việt Nam giúp giảng dạy và huấn luyện trên nhiều lĩnh vực. Trước khi đến Việt Nam, các tình nguyện viên Nhật Bản phải trải qua ba tháng huấn luyện cấp tốc tại Nhật Bản. Tình nguyện viên cao cấp thuộc độ tuổi 40-69, có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm. Tình nguyện viên cao cấp thường là các cố vấn cao cấp, giúp phát triển các chương trình quốc gia về quản lý hành chính, tài chính doanh nghiệp, quản lý doanh nghiệp,... Chương trình mời thanh niên nhằm giúp cho những thanh niên Việt Nam có triển vọng

quay trở lại Nhật Bản để học tập được đi thăm nước chủ nhà trong một thời gian ngắn.

Trước khi đi, họ phải học qua tiếng Nhật. Sau đó, họ lại được học tiếng Nhật, lịch sử, văn hoá, kinh tế, xã hội,... Nhật Bản tại Nhật Bản. Đó là chương trình định hướng chung. Kết thúc chương trình định hướng chung, những thanh niên được mời sẽ tham gia chương trình chuyên môn. Họ sẽ tham dự các bài giảng, đi diễn dã theo lĩnh vực quan tâm, trao đổi kinh nghiệm với các bạn học Nhật Bản, sau đó là hội thảo. Ngoài ra, họ được ở cùng nhà dân Nhật (home stay). Không bị bó buộc chỉ ở Tokyo, những thanh niên này còn được đi thăm các thành phố lớn mang dấu ấn lịch sử, văn hoá. Và trước khi về nước, họ trải qua chương trình đánh giá, nhờ thế các chương trình sau sẽ tốt hơn.

Kể từ khi Nhật Bản và Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao (năm 1973) đến nay, Nhật Bản đã trợ giúp Việt Nam rất nhiều. Sự giúp đỡ đó không chỉ là các khoản vay ODA, viện trợ không hoàn lại, hỗ trợ kỹ thuật, mà còn là ưu đãi xuất khẩu, những cuộc hội thảo đóng góp ý kiến. Khi tính đến kinh tế, thương mại, sản xuất, tín dụng,... là ta mới chỉ tính đến ngọn của vấn đề. Cái gốc vẫn là nguồn nhân lực. Ngày nay, nguồn nhân lực không chỉ được xem xét như người trực tiếp làm ra của cải, mà còn là người điều hành trong lĩnh vực hành chính, người đầu tư nguồn vốn, người quản lý kinh doanh,... Do đó, có thể xem công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là mục tiêu trước mắt và lâu dài, là "chiếc cần" và là phương pháp "câu" cho một nền kinh tế đang trên đà hội nhập với khu vực và quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Japan News*, Thursday, June 19th, 2003.
2. Dương Phú Hiệp, Ngô Xuân bình, Trần Anh Phương (chủ biên): *25 năm quan hệ Việt Nam- Nhật Bản 1973-1998*, NXB Khoa học Xã hội.
3. JICA in Vietnam.